

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 312/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 12 - 2022

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Bền
Ông Võ Thanh Liêm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đình Chương – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 636/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Kim T; Sinh năm: 1992; Cư trú tại: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Tấn P; Sinh năm: 1977; Cư trú tại: Số H, đường T, khóm V, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Kim T trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Tấn P tự nguyện chung sống vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống, đến năm 2020 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con chung, về kinh tế, sống chung không hòa hợp, anh chị đã ly thân cách nay khoảng 08 tháng. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

- Con chung: Chị và anh P có 01 người con chung tên Huỳnh Thiên K, sinh ngày 28/4/2017, hiện đang sống cùng anh P. Khi ly hôn, chị giao con cho anh P nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

- Tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị xác định không nợ ai, không ai nợ anh, chị.

Anh Huỳnh Tấn P trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Hôn nhân: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như chị T trình bày. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn lớn đến mức phải ly hôn. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh chị cùng nhau giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, anh yêu cầu được đoàn tụ.

- Con chung: Anh và chị T có 01 người con chung tên Huỳnh Thiên K, sinh ngày 28/4/2017, hiện đang sống cùng anh. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung, đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng như chị T đặt ra.

- Tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Anh xác định không nợ ai, không ai nợ anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn.

Bị đơn anh Huỳnh Tấn P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng anh P vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh P.

[2] Hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng chị Nguyễn Kim T và anh Huỳnh Tấn P chung sống hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con chung, về kinh tế, sống chung không hòa hợp. Anh P cho rằng vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, trầm trọng dẫn đến ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu được đoàn tụ. Tại phiên tòa, chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn. Đối với anh P tuy có yêu cầu đoàn tụ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đến nay anh không thuyết phục được chị T để hàn gắn hôn nhân của anh chị. Anh P thừa nhận anh, chị đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn nhưng không có kết quả. Xét thấy, chị T và anh P xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh P là có căn cứ.

[3] Con chung: Chị T và anh P vợ chồng 01 người con chung tên Huỳnh Thiên K, sinh ngày 28/4/2017, hiện đang sống cùng anh P. Khi ly hôn, chị T và anh P thống nhất giao con chung cho anh P nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Thiên K đang sống ổn định với anh P và các đương sự tự nguyện thỏa thuận giao cháu Thiên K cho anh P nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên mức cấp dưỡng như trên. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và phù hợp với nhu cầu thiết yếu của con chung, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Tài sản chung: Chị T và anh P xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[5] Nợ chung: Chị T và anh P xác định anh, chị không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung, nên không xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim T về việc yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Tấn P.

Con chung: Giao Huỳnh Thiên K, sinh ngày 28/4/2017, hiện đang sống cùng anh P cho anh P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Huỳnh Thiên K 2.000.000 đồng/tháng, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Huỳnh Thiên K đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh Huỳnh Tấn P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Kim T không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Ngày 03/11/2022, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0002400, được đối trừ, chị T tiếp tục nộp 300.000 đồng (chưa nộp), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường 8, thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân